

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-BQLDA

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

V/v cho chủ trương điều chỉnh diện tích phân lô khu dân cư năm 2021 tại xã Phước Hưng (khu Trung tâm xã dưới nhà ông Huỳnh Văn Ánh thôn An Cửu)

Kính gửi:

- Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện;
- UBND xã Phước Hưng.

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Hưng tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 05/01/2022 và của Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ tại Báo cáo số 12/ BC-BQLDA ngày 25/01/2022; Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương

Đồng ý cho phép điều chỉnh diện tích, phân lô đối với khu dân cư năm 2021 xã Phước Hưng, vị trí khu trung tâm xã dưới nhà ông Huỳnh Văn Ánh (thôn An Cửu), cụ thể:

- Về diện tích: Từ 6.312,0 m² thành 4.744,9 m², giảm 1.567,1 m².
- Về số lô: Từ 49 lô thành 45 lô, giảm 04 lô.

(Có sơ đồ điều chỉnh và phụ lục chi tiết kèm theo)

Lý do điều chỉnh: Do vị trí được quy hoạch đã lâu có sự điều chỉnh, sai sót trong quá trình đo đạc; điều chỉnh giảm diện tích đối với các lô đất có diện tích lớn khó bán đấu giá.

2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện phối hợp với các ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tuy Phước chỉnh lý biên động đất đai theo đúng quy định.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Phước Hưng thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Xuân);
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- CVP, PCVP-2, CVVP (K₁);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH, PHÂN LÔ TẠI KHU DÂN CƯ XÃ PHƯỚC HƯNG
(Kèm theo Công văn số /UBND-BQLDA ngày /2022
của UBND huyện Tuy Phước)

Số TT	Lô số	Diện tích Quy hoạch (m²)	Diện tích Thực tế (m²)	Chênh lệch (m²) (- giảm; + tăng)	Ghi chú
I	Khu H	2.352,0	1.660,2	- 691,8	
1	1	111,0	84,9	-26,1	
2	2	100,0	88,1	-11,9	
3	3	100,0	87,0	-13,0	
4	4	100,0	85,8	-14,2	
5	5	100,0	84,6	-15,4	
6	6	100,0	83,5	-16,5	
7	7	100,0	107,2	+7,2	
8	8	102,0	99,0	-3,0	
9	9	110,0	99,7	-10,3	
10	10	110,0	103,4	-6,6	
11	11	110,0	104,1	-5,9	
12	12	110,0	115,3	+5,3	
13	13	110,0	85,0	-25,0	
14	14	110,0	85,8	-24,2	
15	15	102,0	86,6	-15,4	
16	16	100,0	87,4	-12,6	
17	17	100,0	88,2	-11,8	
18	18	100,0	84,6	-15,4	
19	19	100,0		-100,0	Số lô giảm
20	20	100,0		-100,0	
21	21	100,0		-100,0	
22	22	177,0		-177,0	
II	Khu I	3.960,0	3.084,7	-875,3	
23	1	215,0	105,2	-109,8	
24	2	145,0	104,6	-40,4	
25	3	145,0	104,3	-40,7	

26	4	145,0	104,0	-41,0	
27	5	145,0	103,7	-41,3	
28	6	145,0	138,8	-6,2	
29	7	145,0	126,8	-18,2	
30	8	145,0	127,0	-18,0	
31	9	145,0	127,3	-17,7	
32	10	145,0	127,5	-17,5	
33	11	145,0	127,8	-17,2	
34	12	145,0	128,0	-17,0	
35	13	137,0	128,3	-8,7	
36	14	132,0	110,2	-21,8	
37	15	140,0	95,8	-44,2	
38	16	140,0	96,7	-43,3	
39	17	140,0	97,7	-42,3	
40	18	140,0	98,6	-41,4	
41	19	140,0	99,5	-40,5	
42	20	140,0	100,4	-39,6	
43	21	140,0	101,3	-38,7	
44	22	140,0	102,2	-37,8	
45	23	140,0	120,2	-19,8	
46	24	140,0	127,9	-12,1	
47	25	140,0	127,4	-12,6	
48	26	140,0	127,0	-13,0	
49	27	201,0	126,5	-74,5	
Tổng cộng		6.312,0	4.744,9	-1.567,1	